

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC

### I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

| TT                            | Độ tuổi | Mục tiêu giáo dục                                                                                                                    |
|-------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Phát triển thể chất</b> |         |                                                                                                                                      |
| <i>a) Phát triển vận động</i> |         |                                                                                                                                      |
| 1                             | 18-24   | Bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.                                                     |
| 2                             | 24-36   | Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.                                             |
| 3                             | 18-24   | Giữ được thăng bằng của cơ thể khi đi trên đường thẳng ( ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m. |
| 4                             | 24-36   | Giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.           |

**NHÓM TRẺ 18 - 36 THÁNG**

| Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                       | Chủ đề thực hiện |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Riêng                                                                                                                                                                                                                                                             | Chung                                                                                                                                                                                 |                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                       |                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                       |                  |
| - Chân: dang sang 2 bên                                                                                                                                                                                                                                           | - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra<br>- Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau<br>- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên. | 1 - 9            |
| - Tay: Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.<br>- Lưng, bụng, lườn: vặn người sang 2 bên.<br>+ Chân: Co duỗi từng chân.                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                       |                  |
| - Tập đi<br>- Đi bước qua gậy<br>- Đi bước qua vật cản<br>- Đi theo hướng thẳng<br>-Tập bước lên xuống bậc thang                                                                                                                                                  | - Đi theo hiệu lệnh<br>- Đi trong đường hẹp<br>- Bước lên xuống bậc có tay vịn                                                                                                        | 1-9              |
| - Tập đi, chạy:<br>- Đi bước qua gậy kê cao<br>- Đi bước vào các ô<br>- Đứng co 1 chân<br>- Đi theo đường ngoằn ngoèo<br>- Bước lên xuống bậc cao 15cm<br>- Đi kết hợp với chạy<br>- Chạy đổi hướng<br>- Bật tại chỗ<br>- Bật qua các vòng<br>- Bật về phía trước |                                                                                                                                                                                       |                  |

|    |       |                                                                                                                                                      |
|----|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | 18-24 | Thực hiện phối hợp tay; mắt biết lăn - bắt bóng với cô.                                                                                              |
| 6  | 24-36 | Thực hiện phối hợp tay; mắt: tung - bắt bóng với cô khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2 m.                                                       |
| 7  | 18-24 | Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản                                                                                |
| 8  | 24-36 | Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng                                                                       |
| 9  | 18-24 | - Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m ; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m |
| 10 | 24-36 | Biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).                                  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngồi lăn bóng</li> <li>- Tung bóng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  |                   | 3,4,6,9       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng cùng cô</li> <li>'- Tung bóng bằng hai tay</li> <li>'- Ném bóng vào đích</li> </ul>                                                                                                                                              |                   |               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò, trườn tới đích</li> <li>+ Bò chui (dưới dây/ gậy kê cao)</li> <li>+ Bò về phía trước có mang vật trên lưng</li> <li>+ Bò đến vật chuẩn</li> <li>+ Trườn đến vật chuẩn.</li> <li>+ Trườn về phía trước</li> </ul> | Bò chui qua cổng  | 1,2, 3, 5,8,9 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò thẳng hướng trong đường hẹp</li> <li>+ Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng</li> <li>+ Bò qua vật cản</li> <li>+ Trườn qua vật cản</li> <li>+ Trườn chui qua cổng</li> </ul>                                      |                   |               |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đứng tung bóng</li> <li>- Lăn bóng với cô</li> <li>- Ném bóng bằng 1 tay</li> <li>- Lăn bóng qua cổng</li> <li>- Đứng ném bóng vào rổ</li> <li>- Ném bóng qua dây</li> <li>- Ném bóng</li> </ul>                                               | Tung bóng qua dây | 1-6,9         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bóng bằng 2 tay</li> <li>- Ném bóng về phía trước</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Tung bắt bóng cùng cô</li> <li>- Ném bóng trúng đích</li> </ul>                                                                                 |                   | 1-6           |

|    |       |                                                                                                                                                  |
|----|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | 18-24 | - Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay                                                                                                          |
| 12 | 24-36 | Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.                                                                              |
| 13 | 18-24 | - Tháo, lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ                                                                                 |
| 14 | 24-36 | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tô chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. |

**b, Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe**

|    |       |                                                                                                                                   |
|----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | 18-24 | - Cân nặng: Trẻ trai 8,8 - 13,7 kg; trẻ gái: 8,1 - 13,2 kg.<br>- Chiều cao: Trẻ trai 76,9 - 87,7 cm; trẻ gái: 65,5 - 74,9 cm.     |
| 16 | 24-36 | - Cân nặng: Trẻ trai 11,3 - 18,3 kg; trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg.<br>- Chiều cao: Trẻ trai 88,7 - 103,5 cm; trẻ gái: 87,4 - 102,7 cm. |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                          |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.</li> <li>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật</li> </ul>                                                                                                                                                            |                          |         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khâu, đào, vò xé</li> <li>'- Nhón, nhặt đồ vật</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ</li> </ul>                                                                                                    |                          | 1,2,5,6 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng mở nắp có ren</li> <li>- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.</li> </ul>                                                                                                                                                           |                          |         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp ghép hình</li> <li>- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ.</li> <li>- Lật mở trang sách.</li> </ul>                                                                                               | - Xếp chồng ( 2- 8 khối) | 1-9     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                          |         |
| <p>Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau</p> <p>Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập ngồi vào bàn ăn</li> </ul>                                                                                      |                          |         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn đầy đủ, hài hòa các loại thức ăn khác nhau:</li> <li>- Luyện tập một số thói quen tốt trong ăn uống, sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định</li> </ul> |                          | 1-9     |

|    |       |                                                                               |
|----|-------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | 18-24 | - Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau |
| 18 | 24-36 | Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau          |
| 19 | 18-24 | - Ngủ 1 giấc ngủ trưa                                                         |
| 20 | 24-36 | Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa                                                 |
| 21 | 18-24 | - Biết " gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh                             |
| 22 | 24-36 | Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------|
| - Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau</li> <li>- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.</li> <li>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi</li> </ul> |  | 1,2,3 |
| - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |       |
| - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 1- 5  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập ra ngoài bô khi có nhu cầu vệ sinh</li> <li>- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh</li> <li>+ Gọi cô khi bị ướt, bị bẩn.</li> </ul> </li> </ul>                                                        |  | 1-9   |
| - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |       |

|                       |       |                                                                                                                         |
|-----------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23                    | 18-24 | - Làm một số việc với sự giúp đỡ của người lớn ( ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)                   |
| 24                    | 24-36 | Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh,...)                                         |
| 25                    |       | - Trẻ chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh                                           |
| 26                    | 18-24 | - Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm ( Phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.                     |
| 27                    | 24-36 | Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng,xô nước, giềng) khi được nhắc nhở.         |
| 28                    | 18-24 | - Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm ( sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ...)                                           |
| 30                    | 24-36 | Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở |
| Điều chỉnh và bổ sung |       | <div></div> <div></div> <div></div>                                                                                     |

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <p>Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập ngồi vào bàn ăn</li> <li>- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh</li> <li>- Làm quen với rửa tay, lau mặt</li> </ul>                                     |                                                                                                                                                              |         |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tự phục vụ:</li> <li>+ Xúc cơm, uống nước.</li> <li>+ Chuẩn bị chỗ ngủ.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh</li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</li> </ul> |                                                                                                                                                              | 1,2,3,4 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.</li> </ul>                                                                                                                                             |                                                                                                                                                              | 6,9     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>* 18-36 tháng:</p> <p>'- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.</p>                                | 3,4,7,8 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) và phòng tránh.</li> </ul> | 3,4,7,8 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |         |

|    |       |                                                                                                                      |
|----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31 | 18-24 | Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng'                                                   |
| 32 | 24-36 | Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                  |
| 33 | 18-24 | -Bắt chước hành động đơn giản của những người thân                                                                   |
| 34 | 24-36 | Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| 35 | 18-24 | Chỉ hoặc nói được tên của mình những người gần gũi khi được hỏi                                                      |
| 36 | 24-36 | Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi                                                        |
| 37 | 18-24 | Chỉ vào hoặc nói tên 1 vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi                                                     |
| 38 | 24-36 | Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.                                                    |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh</li> <li>- Sờ nắn, lắc các đồ chơi nghe âm thanh.</li> <li>- Ngửi mùi của 1 số hoa quả gần gũi</li> <li>- Nếm vị của một số loại quả, thức ăn</li> </ul>                                                                                                                           |  |           |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn)</li> <li>- Nếm vị của một số loại quả, thức ăn ( Ngọt- mặn- chua)</li> </ul> |  | 5,6,7,8,9 |
| - Đồ dùng đồ chơi của bản thân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |           |
| - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  | 2,3       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên của bản thân</li> <li>- Hình ảnh của bản thân trong gương</li> <li>- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       |  |           |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân</li> <li>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình</li> <li>- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm lớp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                       |  | 1,2,3,4   |
| - Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |           |
| - Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 2         |

|    |       |                                                                                                                     |
|----|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 39 | 18-24 | Chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa quả, con vật, quen thuộc theo yêu cầu của người lớn |
| 40 | 24-36 | Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, phương tiện giao thông, hoa quả, con vật quen thuộc.       |
| 41 | 18-24 | Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.                                |
| 42 | 24-36 | Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu                                           |
| 43 | 18-24 | -Trẻ biết chỉ hoặc lấy đồ chơi có kích thước to /nhỏ theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.                         |
| 44 | 24-36 | -Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.                                     |
| 45 | 18-36 | - Trẻ làm quen với ngôn ngữ tiếng việt                                                                              |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                             |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.</li> <li>- Tên một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                             |             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.</li> <li>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.</li> <li>- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây</li> <li>- Nắng nóng, hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất, mưa ròng, lốc, sét, mưa đá...</li> </ul> |                                                                                                                                                                             | 1,3,4,5,6,7 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | - Màu đỏ, xanh                                                                                                                                                              |             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu vàng</li> <li>- Hình tròn, hình vuông</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                             |             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | *13-36 tháng:<br>- Kích thước to, nhỏ                                                                                                                                       | 3, 5, 8, 9  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước sau) so với bản thân trẻ.</li> <li>- Số lượng (một - nhiều)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                             |             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <i>Trẻ nói được tên đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc...hướng dẫn, gợi ý của cô.</i><br>- Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: | 1-9         |

|                                 |       |                                                                                                                     |
|---------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Điều chỉnh<br>và bổ sung        |       |                                                                                                                     |
|                                 |       |                                                                                                                     |
|                                 |       |                                                                                                                     |
| 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ |       |                                                                                                                     |
| Nghe                            |       |                                                                                                                     |
| 46                              | 18-24 | - Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rửa tay ...                                                   |
| 47                              | 24-36 | Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.                  |
| 48                              | 18-24 | - Hiểu được từ không: dừng hành động khi nghe " không được lấy? " "không được sờ ?"                                 |
| 49                              | 24-36 | Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.                                                                         |
| 50                              | 18-24 | Trả lời được câu hỏi đơn giản: " Ai đây?";" Con gì đây?";" Cái gì đây?"....                                         |
| 51                              | 24-36 | Trẻ trả lời các câu hỏi :“Ai đây?”, “Cái gì đây?”,“...làm gì ?”, “....thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) |

|                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                 |                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                 |                       |
|                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                 |                       |
|                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                 |                       |
|                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                 |                       |
|                                                                                                                                                                                             | * 18-36 tháng:<br>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.<br>- Nghe các từ chỉ tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc | 1,2,3,4,6             |
| - Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.                                                                                                                                            |                                                                                                                                 | 1-9                   |
| - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.<br>- <i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng viết chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động, đặc điểm...</i>    |                                                                                                                                 |                       |
| Nghe các câu hỏi: "Ở đâu?"; "Con gì?"; "...thế nào?" ("Gà gáy thế nào"); "Cái gì?"; "Làm gì".<br>- Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?"; "cái gì?"; "Làm gì?"                                  |                                                                                                                                 | 1, 2, 3, 4<br>6, 7, 9 |
| - Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?".<br>- Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; ... "Thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?" ... |                                                                                                                                 |                       |

|            |       |                                                                                                                    |
|------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 52         | 18-24 | Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, ghe truyện kể đơn giản theo tranh                                               |
| 53         | 24-36 | Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. |
| <b>Nói</b> |       |                                                                                                                    |
| 54         | 18-24 | - Nhắc lại từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi,...                                                    |
| 55         | 24-36 | Trẻ biết phát âm rõ tiếng.                                                                                         |
| 56         | 18-24 | - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc                                                  |
| 57         | 24-36 | Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.                                                 |
| 58         | 18-24 | - Nói được câu đơn 2-3 tiếng: Con đi chơi; bóng đá, mẹ đi làm;...                                                  |
| 59         | 24-36 | Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.         |

|                                                                                                                                   |                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------|
| - Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, ghe truyện kể đơn giản theo tranh                                                            |                                             | 4,5,6,7,9 |
| - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn<br>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý |                                             |           |
|                                                                                                                                   |                                             |           |
|                                                                                                                                   | *18-36 tháng:<br>- Phát âm các âm khác nhau | 3-9       |
|                                                                                                                                   |                                             |           |
| - Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao.<br>'- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ                                      |                                             | 1-9       |
| - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè câu đố, bài hát.<br>- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn 3 - 4 tiếng                      |                                             |           |
| - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi                                                                                  |                                             | 3,4,6     |
| - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.                                             |                                             |           |

|                                                                    |       |                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 60                                                                 | 18-24 | - Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân ( Cháu uống nước, cháu muốn ...)                                                                                                              |
| 61                                                                 | 24-36 | - Trẻ có khả năng sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:<br>- Chào hỏi, trò chuyện.<br>- Bày tỏ nhu cầu của bản thân.<br>- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... |
| 62                                                                 |       | Nói to, đủ nghe, lễ phép                                                                                                                                                                     |
| 63                                                                 | 18-24 | - Trẻ mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.                                                                                                                        |
| 64                                                                 | 24-36 | Lắng nghe khi người lớn đọc sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.                                                                                  |
| Điều chỉnh và bổ sung                                              |       |                                                                                                                                                                                              |
|                                                                    |       |                                                                                                                                                                                              |
|                                                                    |       |                                                                                                                                                                                              |
| <b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ.</b> |       |                                                                                                                                                                                              |
| 65                                                                 | 18-24 | - Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi )                                                                                              |
| 66                                                                 | 24-36 | Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).<br>Có ý thức về bản thân                                                                                                                     |
| 67                                                                 |       | Thể hiện điều mình thích và không thích                                                                                                                                                      |

|                                                                                                                              |  |       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------|
| - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.                                                                    |  | 1-9   |
| - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.                                               |  |       |
| - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.                                                           |  |       |
| - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.                                                            |  | 8,9   |
| - Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.<br>'- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. |  |       |
|                                                                                                                              |  |       |
|                                                                                                                              |  |       |
|                                                                                                                              |  |       |
|                                                                                                                              |  |       |
| - Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.                                                                                      |  | 1,2,9 |
| - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân<br>- Giữ gìn vệ sinh thân thể, biết rửa mặt rửa tay sạch sẽ          |  |       |
| - Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.                                                                       |  |       |

|    |       |                                                                                                                      |
|----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 68 | 18-24 | Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với người gần gũi                                                    |
| 69 | 24-36 | Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. Mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. |
| 70 | 18-24 | Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh                                          |
| 71 | 24-36 | Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.                                                                 |
| 72 |       | Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.<br>Có khả năng biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. |
| 73 | 18-24 | Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.                                             |
| 74 | 24-36 | Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.                               |

|                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                      |       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| - Giao tiếp với cô và bạn                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                      |       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao tiếp với những người xung quanh.</li> <li>- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.</li> <li>- Biết tự giác chào hỏi, mạnh dạn trả lời khi được người khác hỏi</li> </ul>                             |                                                                                                                      | 1-9   |
| - Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                      |       |
| - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                      | 7,9   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.</li> <li>- Trẻ thể hiện niềm vui thích khi được ngắm quang cảnh mùa xuân.</li> <li>- Thể hiện sự hào hứng khi chuẩn bị lên lớp mẫu giáo.</li> </ul> |                                                                                                                      |       |
|                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                      |       |
|                                                                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi</li> <li>- Quan tâm đến các vật nuôi</li> </ul> | 1,2,5 |

|    |       |                                                                                                                             |
|----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 75 | 18-24 | Chào tạm biệt khi được nhắc nhở                                                                                             |
| 76 | 24-36 | Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.                                                                                     |
| 77 | 18-24 | Bắt chước được một vài hành vi xã hội ( bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)                                       |
| 78 | 24-36 | Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). |
| 79 |       | Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.                                                                    |
|    |       | Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.                                                                                              |
| 80 | 18-24 | Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn                                                                              |
| 81 | 24-36 | Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.                                                                                     |

|                                                                                                                              |                                                                                                                     |        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| - Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ".                                      |                                                                                                                     | 1,3,4  |
| - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. |                                                                                                                     |        |
| Bắt chước hành vi ( bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)                                                            |                                                                                                                     | 1 -> 9 |
| - Biết thể hiện một số hành vi qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).                |                                                                                                                     |        |
| - Trẻ biết cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định.                                                                            |                                                                                                                     | 4,5,6  |
| - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.                                                 |                                                                                                                     |        |
|                                                                                                                              | Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. | 6,7,8  |
|                                                                                                                              |                                                                                                                     |        |

|                          |       |                                                                                       |
|--------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 82                       | 18-24 | Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)                    |
| 83                       | 24-36 | Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.             |
| 84                       | 18-24 | Thích vẽ, xem tranh.                                                                  |
| 85                       | 24-36 | Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). |
| 86                       | 18-36 | <i>Trẻ biết một số ngày lễ hội trong năm.</i>                                         |
| Điều chỉnh<br>và bổ sung |       |                                                                                       |
|                          |       |                                                                                       |
|                          |       |                                                                                       |

|                                                                                                                                |                                                |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|
| - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh, của các nhạc cụ.<br>- Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc                        |                                                |           |
| - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.<br>- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |                                                | 1 -> 9    |
| - Tập cầm bút vẽ                                                                                                               |                                                |           |
| - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.                                                                   | - Xem tranh                                    | 1-9       |
|                                                                                                                                | - Tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán... | 1,3,5,7,9 |
|                                                                                                                                |                                                |           |
|                                                                                                                                |                                                |           |
|                                                                                                                                |                                                |           |

**Giáo viên**

**Tổ chuyên môn ký**

**Nhà trường ký duyệt**

Giàng Thị Dở

Nguyễn Thị Sen

Lò Thị Hoạt